

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09- 01 – 2023

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHU TN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Phi Hùng
- Bà Trần Ng Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy- Thư ký Toà án nhân dân huyện Phu Tn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phu Tn tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phu Tn, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 405/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 2003.

Nơi cư trú: tổ 01, ấp Phú T, xã PT, huyện Phu Tn, An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hồng Ph, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: tổ 03, ấp HB 3, xã HL, huyện Phu Tn, An Giang.

(Chị Ng yêu cầu vắng mặt, anh Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào ngày 10/11/2020AL (23/12/2020 DL), chị và anh Ph có tổ chức lễ cưới và do chị 17 tuổi, anh Ph 19 tuổi nên chưa đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn: sau khi chung sống được khoảng 01 năm thì vợ chồng thường xuyên cự cãi vì chuyện tiền bạc, anh Ph cho rằng chị không tôn trọng mẹ của anh, không tin tưởng khi chị đi học nghề làm tóc ở Tân Châu nên đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Ph. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được Ủy ban nhân dân xã PT và Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Phu Tn, tỉnh An Giang xác định: Trích lục sổ bộ lưu kết hôn không tìm thấy tên chị Nguyễn Thị Thanh Ng kết hôn với anh Lê Hồng Ph.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phu Tn

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị không công nhận chị Ng và anh Ph là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết do đó không đặt ra xem xét. Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại xã Hòa Lạc, huyện Phu Tn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phu Tn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* chị Ng và anh Ph không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh Ng và anh Lê Hồng Ph là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Chị Ng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung:* không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận chị Ng xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Ng phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Ph không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Ng.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh Ng và anh Lê Hồng Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị Ng xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh Ng phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005725 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tn. Anh Lê Hồng Ph không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.